

Kim Động, ngày 21 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kèm theo Quyết định số 231/QĐ-THPTĐH ngày 21/6/2025 v/v Công khai, minh bạch trong đơn vị năm học 2024-2025)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Đức Hợp báo cáo công khai chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu – chi tài chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

- Tên trường: Trường THPT Đức Hợp.
- Tên trước đây: Trường PT cấp 3 Đức Hợp.

2. Địa chỉ:

Thôn Đức An, xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 02213.817.205

Website: <http://c3duchopson.edu.vn>

Email: c3duchop@moet.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: Sở GDĐT Hưng Yên.

Giáo dục phổ thông bậc Trung học phổ thông.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh

Tạo ra môi trường giáo dục mà ở đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được tôn trọng, yêu thương và an toàn. Cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc với tinh thần vì học sinh hành động. Học sinh học tập với tinh thần vì tương lai hành động.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2023 là một trong những trường hàng đầu của tỉnh mà ở đó học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện để được phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của xã hội.

4.3. Giá trị cốt lõi

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường bao gồm 5 chữ T: Tự tin- Tự giác - Tự trọng - Tự hào quê hương - Tự tôn dân tộc.

5. Mục tiêu:

5.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Tạo dựng được môi trường học tập và giảng dạy an toàn, thân thiện, tôn trọng theo hướng “*Trường học hạnh phúc*”. Với phương châm đối với mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường “*Nghiêm túc trong công việc, tôn trọng lẫn nhau, vì học sinh hành động*”, đối với mỗi học sinh là “*Nghiêm túc trong học tập, tôn trọng lẫn nhau, vì tương lai hành động*” hướng đến mục tiêu “*Trường như nhà – Thầy cô như mẹ cha – Bạn bè như anh em ruột thịt*”.

Giúp học sinh hình thành giá trị cốt lõi với 5 chữ T: Tự tin; Tự giác; Tự trọng; Tự hào quê hương; Tự tôn dân tộc.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Quy mô trường lớp

Trường có 24 lớp với 1062 học sinh, trong đó:

- Khối 10 có 8 lớp với 352 học sinh.
- Khối 11 có 8 lớp với 348 học sinh.
- Khối 12 có 8 lớp với 362 học sinh.

5.2.2. Chất lượng các mặt giáo dục

a. Học sinh

- Tỷ lệ học sinh bỏ học: Không quá 1%
- Kết quả rèn luyện: Tốt: Từ 80 % trở lên; Khá: Từ 15% trở lên
- Kết quả học tập: Tốt: Từ 18% trở lên; Khá: 60 % trở lên.
- Lưu ban (chung): không quá 1,0%; Thi lại: Dưới 2,0%
- Tỷ lệ lên lớp sau thi lại: trên 99,0%
- Tốt nghiệp THPT: 99,5 % trở lên
- Thi đỗ ĐH: 70% trở lên
- Học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh: 15 giải trở lên
- Các hội thi cấp tỉnh khác: 5 giải trở lên
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở hoặc Sở phối hợp với các ngành khác tổ chức.

b. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- *Xếp loại viên chức cuối năm*: 100% HTTNV (trong đó có trên 15% HTSXNV, không có giáo viên bị kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật bị xử lý).

- *Danh hiệu thi đua cuối năm*

* Cá nhân:

- + Có 10 GV có sáng kiến được công nhận cấp ngành trở lên.
- + Giáo viên giỏi cấp trường: 10 giáo viên được công nhận trở lên
- + Giáo viên giỏi cấp tỉnh: 02 giáo viên được công nhận trở lên
- + Có 20 GV có sáng kiến được công nhận cấp trường trở lên.
- + Có 9 GV có học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên.
- + Đạt LĐTT: 55 (100%)
- + Đạt CSTĐ cấp cơ sở: 10 (18%)

* Tập thể:

- + Nhà trường: Đạt TTLĐXS, đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh Hưng

Yên.

+ Công đoàn: Vững mạnh xuất sắc, đề nghị Liên đoàn Lao động Tỉnh Hưng Yên tặng Cờ thi đua.

+ Đoàn TN: Vững mạnh xuất sắc

- *Khen thưởng*

+ Giấy khen của Giám đốc Sở: 2

+ Giấy khen của CĐ ngành: 2

+ Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 1

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT: 1

+ Bằng khen LĐLĐ tỉnh: 1

+ Bằng khen CĐGD Việt Nam: 1

5.2.3. Chất lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, y tế học đường

- 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.

- 100 % học sinh tham gia học giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh được đánh giá đạt yêu cầu.

5.2.4. Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua.

- Mỗi bộ môn tổ chức 1 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

- 100% học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Đức Hợp được thành lập năm 1979; đóng trên địa bàn xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Trường có nhiệm vụ tuyển sinh, giảng dạy chương trình giáo dục THPT cho học sinh trên địa bàn huyện Kim Động.

Năm học 2024-2025 trường có 24 lớp (08 lớp 10, 08 lớp 11, 08 lớp 12) với 1062 học sinh; có 24 phòng học kiên cố cao tầng, 01 phòng họp, 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của Phó Hiệu trưởng, 01 phòng thư viện, 09 phòng học bộ môn¹; trường có tường bao, cổng trường, biển trường, cảnh quan xanh - sạch - đẹp; có 55 cán bộ, giáo viên, nhân viên (cán bộ quản lý: 03, giáo viên: 49, nhân viên: 03), 100% giáo viên đạt chuẩn, có 15 cán bộ, giáo viên trình độ trên chuẩn (tỷ lệ: 27,2%), được bố trí thành 05 tổ. Trường có 22 giáo viên được công nhận danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (tỷ lệ: 41.5% tổng số cán bộ, giáo viên nhà trường), có 01 giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia, 01 giáo viên toàn cầu.

Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hưng Yên, Sở GDĐT tỉnh Hưng Yên, Huyện ủy, UBND huyện Kim Động, quy mô phát triển giáo dục của trường luôn được duy trì ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư xây dựng, mua sắm, đáp ứng yêu cầu dạy và học; chất lượng giáo dục của nhà trường ổn định và từng bước phát triển, vị thế của trường từng bước khẳng định và đã đạt được một số thành tích đáng ghi nhận:

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2021 (Quyết định số 1187/QĐ-CTUBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên); đạt kiểm định cấp độ 2 (Quyết định công nhận số 277/QĐ-SGDĐT ngày 12/5/2021 của Giám đốc Sở GDĐT). Năm học 2021-2022 được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen theo Quyết định số

1334/QĐ-TTg ngày 07/11/2022. Tập thể nhà trường 05 năm liền được UBND tỉnh Hưng Yên công nhận “Tập thể Lao động xuất sắc”.

7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Ông Hà Quang Vinh.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đức An, xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0986176927

Email: havinh272@gmail.com

8. Tổ chức bộ máy:

8.1. *Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):* Không còn.

8.2. *Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:*

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 2099/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2021 của Sở GDĐT Hưng Yên.

8.3. *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục:*

Hiệu trưởng: Hà Quang Vinh.

+ Ngày tháng năm sinh: 27/02/1978.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Đức Hợp ngày 01/12/2017 theo Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 06 năm 11 tháng.

Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Ân

+ Ngày tháng năm sinh: 05/9/1977.

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đức Hợp vào ngày 01/12/2017 theo Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 6 năm 11 tháng.

Phó hiệu trưởng: Lưu Quang Hưởng

+ Ngày tháng năm sinh: 13/3/1978.

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đức Hợp vào ngày 01/01/2020 theo Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 4 năm 10 tháng.

8.4. *Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy.*

8.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THPT Đức Hợp

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

8.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

- Trường THPT Đức Hợp là cơ sở giáo dục trung học phổ thông (THPT) của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT Hưng Yên, có nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý

các hoạt động giáo dục (HĐGD); bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 39 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 55 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- + 04 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.
- + 24 lớp học với 1062 học sinh.

9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

1. Số biên chế được giao năm 2025:

Số biên chế được giao năm 2025: 59

Số biên chế hiện tại: 55

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	1	
Phó Hiệu trưởng	2	1	0	0	2	2	
Giáo viên	49	35	0	0	49	13	
Nhân viên	3	3	0	0	3	3	
Cộng	55	40	0	0	55	19	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	55	0	17	37	0	1	0	46	83.63	31	21	0	0
I	Giáo viên	49	0	14	0	0	0	0	43	93.4	28	21	0	0

	Trong đó số giáo viên dạy môn:													
1	Toán	7	0	3	4	0	0	0	5	71.4	2	5	0	0
2	Vật lý	3	0	2	1	0	0	0	3	100	3	0	0	0
3	Hóa học	3	0	2	1	0	0	0	3	100	2	1	0	0
4	Sinh học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
5	Tin học	3	0	0	3	0	0	0	3	100	1	2	0	0
6	Ngữ văn	7	0	4	3	0	0	0	6	85	4	3	0	0
7	Lịch sử	4	0	0	4	0	0	0	3	85	2	2	0	0
8	Địa lý	2	0	1	1	0	0	0	2	100	2	0	0	0
9	GDKT&PL	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
10	NN	6	0	1	5	0	0	0	5	85	3	3	0	0
11	CN	2	0	1	1	0	0	0	2	100	1	1	0	0
12	GDTC	5	0	0	5	0	0	0	5	100	4	1	0	0
13	GDQP&AN	2	0	0	2	0	0	0	1	50	1	1	0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	100	2	0	0	0
III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	1	0	0	0						
2	Kế toán	1	0	0	0	0	1	0						
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0						
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	0	0	1	0						

Ghi chú: Không đánh giá chuẩn nghề nghiệp 06 giáo viên do mới tuyển ngày 1/6/2024.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	24	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	Đạt yêu cầu

6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	44.54	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.639	10.88 m ² /1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1242	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	518	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	Đang xây	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 11	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 12	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Xưởng trường	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ 9.6
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/dầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	50	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	5	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	Đạt yêu cầu
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Đạt yêu cầu
5	Thiết bị khác...	50	Đạt yêu cầu
..		

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

Trường THPT Đức Hợp đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Đã tự đánh giá chất lượng giáo dục để xác định rõ

trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về Sở GDĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THPT Đức Hợp đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm các thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ, lãnh đạo trường, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ Văn phòng, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1. Theo lộ trình, nhà trường tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, sẽ mời đoàn đánh giá ngoài về kiểm tra công nhận vào tháng 11/2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Cam kết chất lượng giáo dục của nhà trường năm học 2024 – 2025

TT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh học xong Chương trình THCS, có nguyện vọng thi vào trường		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.		

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	GVCN thông báo với phụ huynh về tình hình học tập của học sinh qua: - Số liên lạc điện tử (EnetViet). - Các cuộc họp phụ huynh. - Gặp gỡ trực tiếp		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hỗ trợ chi phí học tập. - Miễn giảm học phí. - Tặng học bổng.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 5 phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Những năng lực chung, được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. - Những năng lực chuyên môn, được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: Năng lực ngôn ngữ, tính toán, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	80%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2024 – 2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1062	352	348	362
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	904 (84.41%)	306 (84.53%)	271 (78.10%)	327(90.33%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	126 (11.76%)	47 (12.98%)	56(16.14%)	23 (6.35%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	34 (3.17%)	9 (2.49%)	13(3.15%)	12 (3.31%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0.65%)	0(0%)	7 (2.02%)	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	266 (24.84%)	76 (20.99%)	82 (23.92%)	107(29.56%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	552(51.54%)	228 (62.98%)	150(43.23%)	174 (48.07%)

3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	252 (23.53%)	57(15.75%)	114(32.85%)	81 (22.38%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0.09%)	1(0.28%)	0 (0%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1062 (100%)	352 (100%)	348 (100%)	362 (100%)
a	Học sinh giỏi, HSXS (tỷ lệ so với tổng số)	239(22.32%)			
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.09%)	1 (0.28%)	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi	13/0	12/0	1/0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				25
3	Quốc gia, khu vực một số nước				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi TN				362
VI	Số học sinh được công nhận TN				362
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ ĐH, CĐ				276
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ				
IX	Số học sinh dân tộc				

thiểu số			
-----------------	--	--	--

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh Phí:

+ Ngân sách nhà nước:

Nguồn thường xuyên: 10.819.961.000 đồng

Nguồn không thường xuyên: 2.390.024.235 đồng

+ Học phí : 875.615.500 đồng

+Thu khác : 1.824.995.823 đồng

- Loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): Không

1.2. Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập: 11.449.868.932 đồng

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 3.599.904.323 đồng

- Chi hỗ trợ người học: 18.895.000 đồng

- Chi khác: 841.928.303 đồng :

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2024-2025 và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

- Tiền học phí: 57.000 đồng/HS/tháng

- Tiền nước uống: 8000 đồng/HS/tháng

- Tiền trông giữ xe đạp điện, xe máy điện, xe máy dưới 50cc: 15.000 đồng/HS/tháng

- Tiền trông giữ xe đạp thường: 10.000 đồng/HS/tháng

- Tiền học thêm: 6000 đồng/1 HS/1 tiết

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Thực hiện kịp thời và đúng theo qui định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Số dư các quỹ theo quy định:

- Ngân sách nhà nước (Nguồn không thường xuyên): 132.975.765 đồng

- Học phí : 23.990.000 đồng

- Thu khác : 0

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả các kỳ thi và kết quả thi đua, khen thưởng của giáo viên và học sinh

- Cuộc thi khởi nghiệp cấp quốc gia: Đạt 01 giải Ba.

- Thi Nghiên cứu KHKT cấp tỉnh: 03 giải (02 giải Ba, 01 giải Tư).
- Cuộc thi khởi nghiệp cấp tỉnh: Đạt 01 giải Nhất, 02 giải Ba.
- Thi học sinh giỏi 9 môn văn hóa cấp tỉnh: 25 giải (Trong đó có 4 giải Nhì, 10 giải Ba và 11 giải KK, đứng thứ 3 toàn tỉnh về tỷ lệ học sinh đoạt giải).
- Thi dân vũ cấp ngành: Giải Ba.
- Tham gia giải bóng đá học sinh THPT: Huy chương đồng.
- Thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 02 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.
- Thi điền kung cấp tỉnh: 01 huy chương đồng.
- Thi IOE cấp tỉnh: Có 24 học sinh đoạt giải.

2. Các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, hoạt động tập thể, từ thiện, nhân đạo.

- Tổ chức Lễ khai giảng, lễ kỷ niệm ngày 20/11.
- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các CLB Sách và hành động, CLB Tiếng Anh, CLB bóng rổ, CLB Ghi ta....
- Tổ chức Chương trình Ăn sáng với thầy Hiệu trưởng (Sáng thứ 6 tuần đầu tiên hàng tháng).
- Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa đại diện phụ huynh, đại diện học sinh với lãnh đạo trường lần 1.
- Tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Ngữ văn cho học sinh tại khu di tích Bạch Đằng Giang, TP Hải Phòng; Ngoại khóa các môn KHTN (đấu trường Robotic; Ngoại khóa các môn Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý chủ đề Chuyến tàu Asean trong khuôn viên trường.
- Phối hợp với công an huyện Kim Động tổ chức 1 buổi tuyên truyền Luật giao thông đường bộ, ma túy, kiểm tra, phát hiện, thu hồi vũ khí vật liệu nổ trong học sinh; Phối hợp với Tỉnh Đoàn và Sở Tư pháp tổ chức 01 buổi tuyên truyền về pháp luật cho học sinh; Phối hợp với Sở Lao động thương binh và xã hội tổ chức 01 buổi tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành niên; Phối hợp với trường ĐHSPT Hưng Yên và nhiều trường ĐH tổ chức tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
- Phối hợp với công an huyện Kim Động triển khai thực hiện Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới.
- Tổ chức giải bóng đá nam học sinh.
- Tham gia chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Hợp.
- Thực hiện miễn, giảm học phí cho trên 40 lượt học sinh.
- Thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho trên 35 lượt học sinh.

3. Kết quả thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 và thi TNTHPT, xét tuyển đại học năm học 2023-2024

- Tổng số học sinh dự thi/xét tuyển vào lớp 10 THPT: 517 học sinh; Số học sinh đỗ 352 em
- **Thi TNTHPT:** Đỗ 356/356 học sinh (đạt 100%).
- Xét tuyển đại học: Đỗ đợt 1 là 264 học sinh (đạt 74, 16%).
- Số học sinh đạt 27 điểm 3 môn xét đại học trở lên: 24 học sinh.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hưng Yên (đề b/c);
- Thông báo (niêm yết);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Quang Vinh